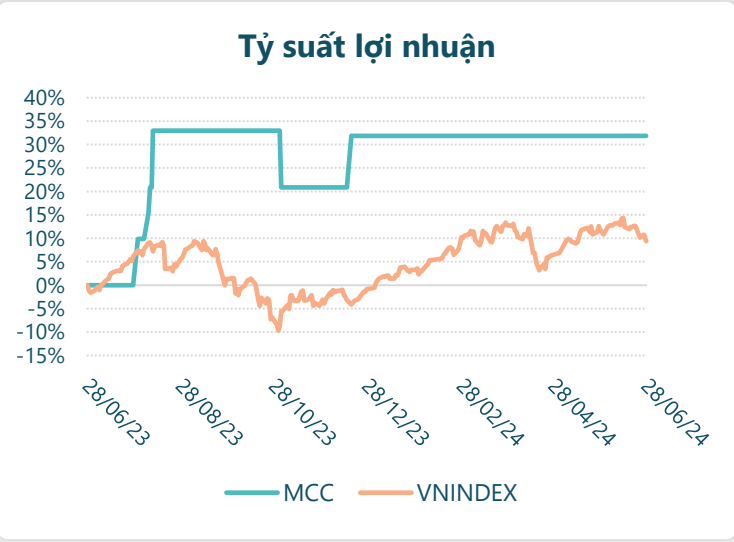


Ngày	12,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 12,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	4,986,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	-
EPS	70
P/E	170.7



Doanh thu thuần
Q2/24

7.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.55 | 103%

YoY: ▲ 1.46 | 26.4%

Nợ/VCSH
Q2/24

20.8%

YoY: +/- ▼ 3.4%

LN gộp
Q2/24

2.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.45 | 490%

YoY: ▲ 1.33 | 82.0%

ROE (TTM)
Q2/24

0.5%

YoY: +/- ▲ 2.0%

LN trước thuế
Q2/24

1.68

tỷ VNĐ

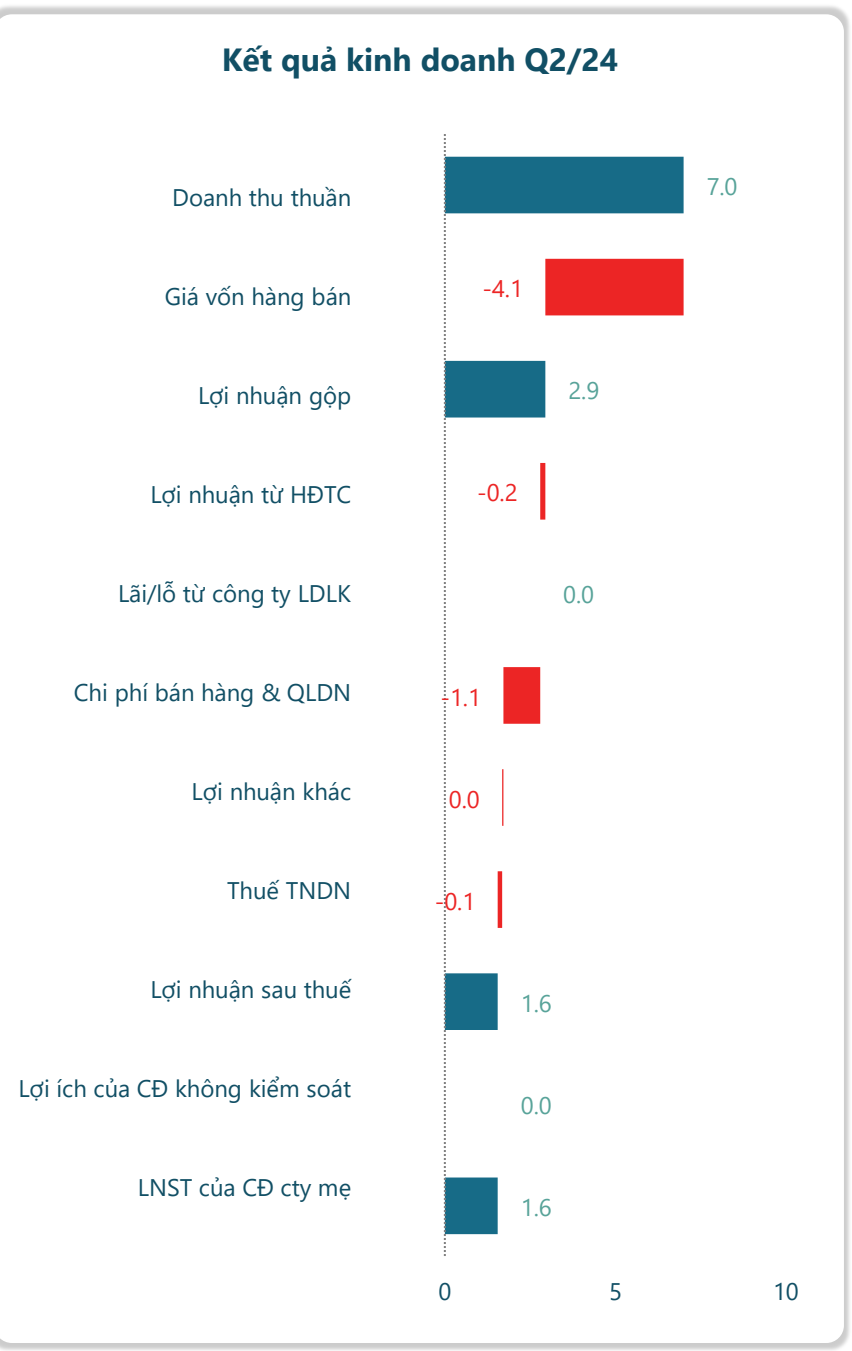
QoQ: ▲ 2.71 | 263%

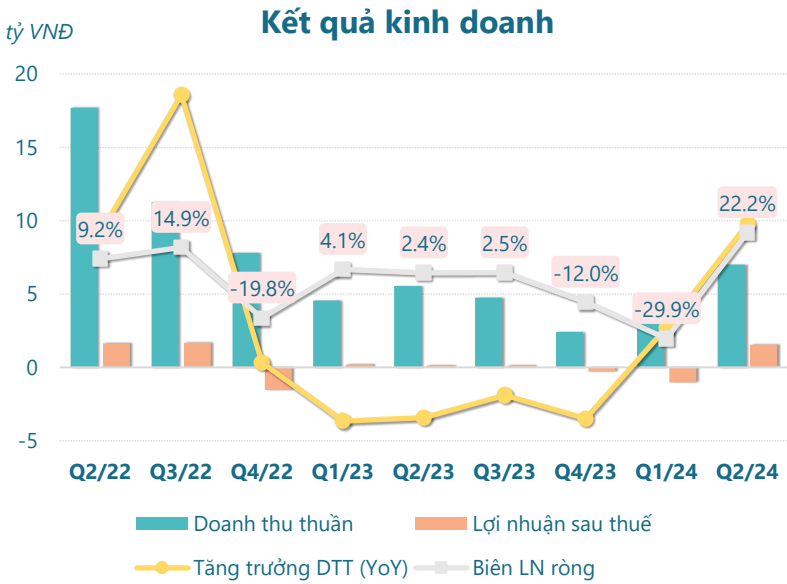
YoY: ▲ 1.51 | 890%

ROA (TTM)
Q2/24

0.4%

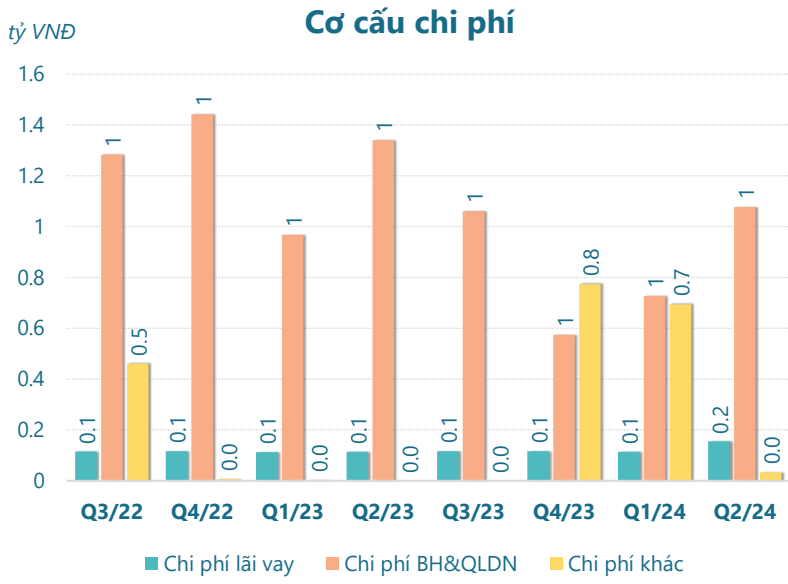
YoY: +/- ▲ 1.7%





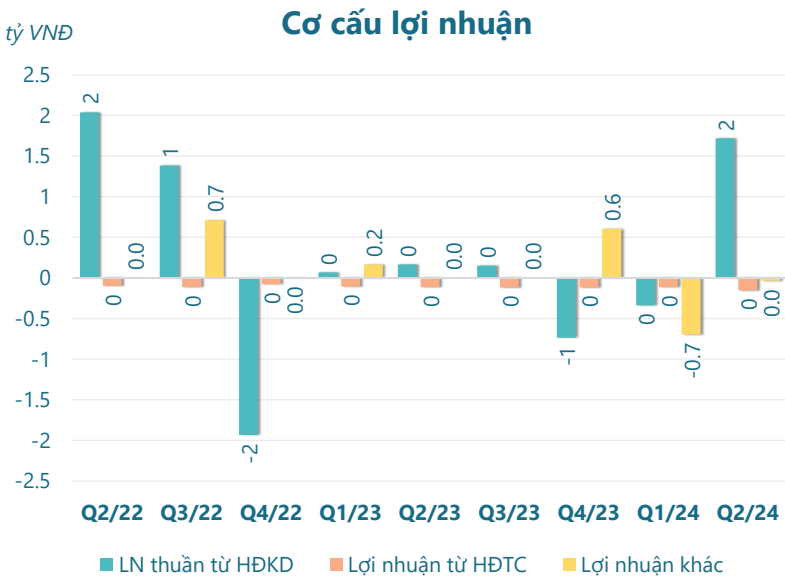
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.72 tỷ đồng**, tăng thêm 2.06 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 912% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.15 tỷ đồng** giảm đi 0.04 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.04 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.03 tỷ đồng** tăng thêm 0.66 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.03 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **MCC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **7.00 tỷ đồng** tăng thêm **26.4%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.55 tỷ đồng, tăng trưởng 1092%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **10.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** tăng thêm 1.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



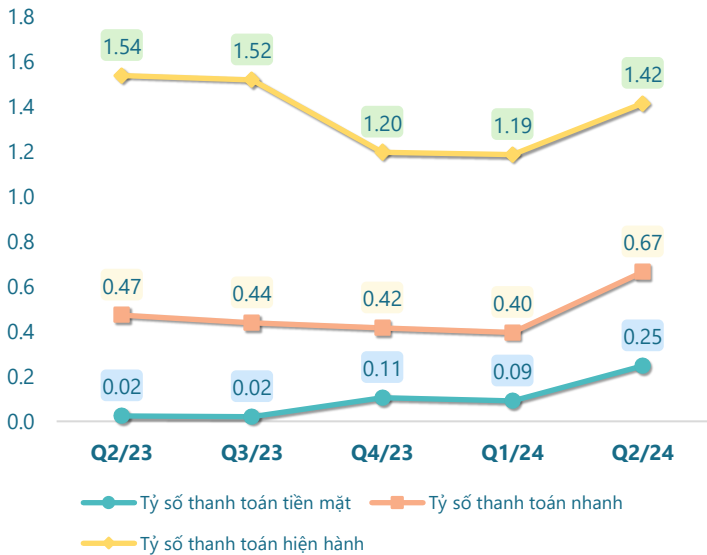
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.15 tỷ đồng** tăng thêm 36.4% so với kỳ trước và cao hơn 36.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.08 tỷ đồng** tăng thêm 47.9% so với kỳ trước và thấp hơn 19.4% so với cùng kỳ năm trước.

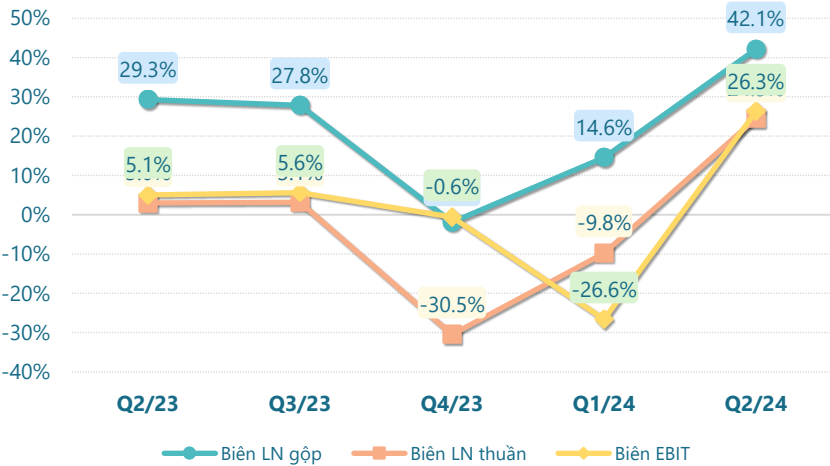
Chi phí khác bằng **0.03 tỷ đồng** giảm đi 95.7% so với kỳ trước và tăng thêm 0.03 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	7.00	3.45	103%	5.54	26.4%	10.4	10.1	3.4%
Giá vốn hàng bán	4.05	2.95	37.4%	3.92	3.4%	7.00	7.35	-4.7%
Lợi nhuận gộp	2.95	0.50	490%	1.62	82.0%	3.45	2.76	25.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00		0.00	0.01	-74.8%
Chi phí TC	0.15	0.11	40.8%	0.11	40.8%	0.27	0.23	18.7%
Chi phí lãi vay	0.15	0.11	40.8%	0.11	40.8%	0.27	0.23	18.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.25	0.16	58.7%	0.20	27.0%	0.42	0.39	6.9%
Chi phí QLDN	0.82	0.56	47.0%	1.14	-27.8%	1.39	1.92	-27.6%
LN thuần từ HĐKD	1.72	-0.34	605%	0.17	910%	1.38	0.23	489%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.69	95.1%	0.00		-0.73	0.17	-536%
LN trước thuế	1.68	-1.03	263%	0.17	890%	0.65	0.40	62.5%
Lợi nhuận sau thuế	1.55	-1.03	251%	0.13	1094%	0.52	0.32	62.5%
LNST của CĐ cty mẹ	1.55	-1.03	251%	0.13	1094%	0.52	0.32	62.5%

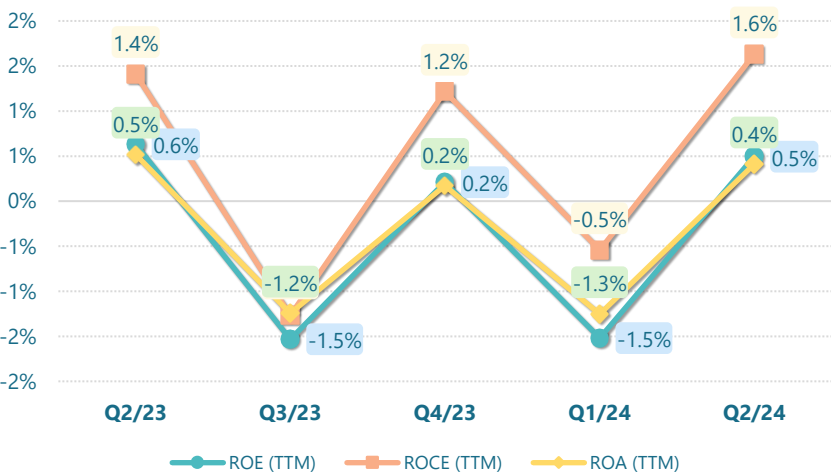
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

